

Số: 43/2019/QĐST-HNGĐ

A, ngày 15 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 49/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa :

Chị T, sinh ngày: 01/3/1989; Địa chỉ: Thôn 8-C11 xã E, huyện E1, tỉnh Đ;

Anh H, sinh ngày: 02/4/1984; Địa chỉ: Đội 6, Thôn Đ, xã P, huyện A, tỉnh TT Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 05 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 05 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị T, sinh ngày: 01/3/1989; Địa chỉ: Thôn 8-C11 xã E, huyện E1, tỉnh Đ;

Anh H, sinh ngày: 02/4/1984; Địa chỉ: Đội 6, Thôn Đ, xã P, huyện A, tỉnh TT Huế.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Cả hai đương sự đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung gồm:

1/ Cháu Nguyễn Phước K, sinh ngày 22/7/2010;

2/ Cháu Nguyễn Phước Gia B, sinh ngày 28/9/2013

Hai đương sự thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Phước K sinh ngày 22/7/2010 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Phước Gia B, sinh

ngày 28/9/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 4/2019 cho đến khi cả hai cháu K và B đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai đương sự thỏa thuận không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng không có tài sản chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng không có nợ chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí xin ly hôn: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí xin ly hôn là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008401 ngày 23 tháng 04 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, chị T được nhận lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã E.
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Ấn văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Đạt